

hình thức bình thường. Ngân hàng thương mại quy định thời hạn cho vay theo chu kỳ sản xuất, khả năng tiêu thụ hàng hóa... và làm thủ tục cầm cố, thế chấp (trong trường hợp chưa có hoặc chưa có đủ hồ sơ hợp lệ và tài sản làm đảm bảo) để có thể thu hồi hết nợ vay.

c) Các nguyên nhân khách quan dẫn đến hàng hóa nhập khẩu bị thất thoát phải được các cơ quan chức năng xác nhận (tùy theo tính chất và nguyên nhân tổn thất hàng hóa, doanh nghiệp có văn bản báo cáo để cơ quan chức năng xác nhận). Đồng thời doanh nghiệp giải trình cụ thể từng trường hợp với ngân hàng bảo lãnh và các cơ quan liên quan như: Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính để có phương án xử lý hàng hóa bị thất thoát trình Thủ tướng Chính phủ.

d) Đối với doanh nghiệp nhập khẩu trả chậm những mặt hàng theo chỉ đạo của Chính phủ, nếu do biến động tỷ giá nên phát sinh lỗ, việc kê khai để xin bù lỗ, doanh nghiệp thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ Tài chính.

6. Trường hợp doanh nghiệp đã sử dụng vốn nhập hàng trả chậm không đúng mục đích: Doanh nghiệp có trách nhiệm thu hồi vốn hoàn trả ngân hàng bảo lãnh số tiền ngân hàng đã thanh toán thay cho doanh nghiệp. Đồng thời, doanh nghiệp phải nhận nợ vay ngân hàng với lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng bảo lãnh chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để kiểm kê, đánh giá hàng hóa nhập khẩu, tài sản thế chấp và các tài sản khác liên quan để làm thủ tục xiết nợ, phát mại tài sản theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Trường hợp hàng hóa bị thất thoát do biển thủ, tham ô thì ngân hàng bảo lãnh có quyền đề nghị cơ quan pháp luật truy tố.

7. Trách nhiệm của tổ chức hay cá nhân bảo lãnh cho doanh nghiệp mở thư tín dụng hoặc bảo lãnh cho doanh nghiệp mua lại hàng hóa của doanh nghiệp nhập khẩu được quy định như sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp được tổ chức, cá nhân bảo lãnh để mở thư tín dụng trả chậm, nếu doanh nghiệp chưa có hoặc chưa có đủ khả năng thanh toán, thì tổ chức, cá nhân bảo lãnh phải thanh toán thay doanh nghiệp để ngân hàng thanh toán cho nước ngoài đúng hạn. Trường hợp tổ chức

hay cá nhân bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ của mình đối với ngân hàng thì ngân hàng được phát mại tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân đứng ra bảo lãnh để doanh nghiệp mua lại hàng hóa của doanh nghiệp nhập khẩu, doanh nghiệp nhập khẩu có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng. Nếu doanh nghiệp mua lại hàng hóa chưa có hoặc chưa có đủ khả năng thanh toán cho doanh nghiệp nhập khẩu thì tổ chức, cá nhân đứng ra bảo lãnh cho doanh nghiệp mua lại hàng hóa phải thực hiện thanh toán thay doanh nghiệp mua hàng nhập khẩu. Trường hợp tổ chức, cá nhân bảo lãnh không hoàn thành nghĩa vụ của mình đối với doanh nghiệp nhập khẩu thì thực hiện theo các quy định của pháp luật.

8. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Thống đốc; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; các Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các Tổng Giám đốc, Giám đốc Ngân hàng thương mại; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

K.T. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Phó Thống đốc

LÊ ĐỨC THÚY

ỦY BAN BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC TRẺ EM
VIỆT NAM

QUYẾT ĐỊNH số 132/1997/QĐ-BT
ngày 20-11-1997 về việc ban
hành Quy chế về tổ chức và hoạt
động thanh tra bảo vệ, chăm sóc
và giáo dục trẻ em.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
ỦY BAN BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC TRẺ EM
VIỆT NAM

Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 1 tháng 4 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 và Nghị định số 118-CP ngày 7-9-1994 của Chính phủ;

Nhằm tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam và sau khi đã thống nhất với Tổng Thanh tra Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động thanh tra bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 2.- Các thành viên Ủy ban, Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3.- Quy chế này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm

Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam

PTS. TRẦN THỊ THANH THANH

QUY CHẾ về tổ chức và hoạt động thanh tra bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em

(ban hành kèm theo Quyết định số 132/1997/QĐ-BT ngày 20-11-1997 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của toàn xã hội. Các Bộ, cơ quan

ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban Nhân dân các cấp, theo chức năng và quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chương trình bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của ngành, địa phương để bảo đảm thực hiện các quyền của trẻ em.

Điều 2.- Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam theo trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước đã được quy định, có chức năng tổ chức và chỉ đạo công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, các chính sách, pháp luật đối với trẻ em trong phạm vi cả nước.

Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp có chức năng tổ chức các hoạt động kiểm tra, thanh tra lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền, giúp Ủy ban Nhân dân cùng cấp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của địa phương; đồng thời có trách nhiệm phối hợp với Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam (dưới đây được gọi tắt là Thanh tra Ủy ban) thực hiện các chương trình, nhiệm vụ thanh tra đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam phê duyệt.

Điều 3.- Các Ủy viên kiêm nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam căn cứ vào chương trình, kế hoạch thanh tra của Ủy ban và trách nhiệm của Bộ liên quan đến việc thi hành chính sách, pháp luật đối với trẻ em để chỉ đạo Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Thanh tra Ủy ban về những nội dung hoạt động thanh tra có liên quan đến trẻ em.

Điều 4.- Hoạt động thanh tra bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em chỉ tuân theo pháp luật, đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời. Không một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra hoặc liên quan đến cuộc thanh tra, xét giải quyết khiếu nại, tố cáo phải thực hiện đúng các yêu cầu, kết luận, kiến nghị, quyết định của

Thanh tra Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em theo pháp luật quy định, đồng thời có quyền giải trình, khiếu nại đối với các yêu cầu, kết luận, kiến nghị, quyết định đó.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC CỦA THANH TRA ỦY BAN BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC TRẺ EM

Điều 5.- Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam là một tổ chức trong bộ máy của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, thuộc hệ thống Thanh tra nhà nước, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng, Chủ nhiệm, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức, công tác, nghiệp vụ của Tổng Thanh tra Nhà nước.

Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam có trách nhiệm tham mưu giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm thực hiện chức năng kiểm tra, thanh tra việc thi hành Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em và các chính sách, pháp luật đối với trẻ em; thực hiện quyền thanh tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực trẻ em thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban; quản lý công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với các đơn vị trực thuộc Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam.

Điều 6.- Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Xây dựng nội dung, chương trình kiểm tra, thanh tra của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định.

2. Tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra theo chương trình, kế hoạch hoặc đột xuất theo quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm; kiểm tra việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định sau các cuộc thanh tra.

Trong quá trình thanh tra được thực hiện các quyền quy định tại Điều 9 Pháp lệnh Thanh tra.

3. Kiến nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về những hành vi vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với trẻ em; trực tiếp xem xét giải quyết theo thẩm quyền của tổ chức thanh tra được quy định tại Pháp lệnh Khiếu nại, tố cáo của công dân.

4. Giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm tổ chức công tác tiếp công dân của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam.

5. Giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ thanh tra của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp.

6. Kiến nghị Bộ trưởng, Chủ nhiệm quyết định sửa đổi hoặc bãi bỏ những quy định, quyết định của các đơn vị trực thuộc Ủy ban hoặc của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp trái với các văn bản pháp luật và sự chỉ đạo của Bộ trưởng, Chủ nhiệm về công tác thanh tra.

7. Thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động thanh tra bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em với Bộ trưởng, Chủ nhiệm và Tổng Thanh tra Nhà nước.

Điều 7.- Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh này được thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Thanh tra, Nghị định số 244-HĐBT ngày 30-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và Quy chế Thanh tra viên ban hành kèm theo Nghị định số 191-HĐBT ngày 18-6-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Điều 8.- Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam làm việc theo chế độ thủ trưởng.

Chánh Thanh tra chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Chủ nhiệm và Tổng Thanh tra Nhà nước

thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Ủy ban được quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy chế này, cụ thể là:

1. Xây dựng cơ chế điều hành trong nội bộ Thanh tra Ủy ban và chỉ đạo các cán bộ thanh tra thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch công tác đã được phân công.

2. Tổ chức phối hợp với Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là thành viên Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, với Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong khi tiến hành các cuộc thanh tra cụ thể về lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

3. Thực hiện các quyền đã được quy định tại Điều 15 Pháp lệnh Thanh tra trong khi chỉ đạo Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên tiến hành các cuộc thanh tra. Khi thực hiện các quyền tạm thời đình chỉ quy định tại Điều 15 Pháp lệnh Thanh tra, Chánh Thanh tra phải báo cáo kịp thời với Bộ trưởng, Chủ nhiệm.

Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra về lĩnh vực công tác được giao. Phó Chánh Thanh tra giúp Chánh Thanh tra trong điều hành hoạt động của Thanh tra Ủy ban.

Điều 9.- Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra viên (hoặc cán bộ thanh tra) hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em cùng cấp. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Thanh tra viên ở Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 10.- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em cùng cấp hoặc quyết định việc tiến hành thanh tra bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương.

Cơ quan thường trực Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương phối hợp Thanh tra nhà nước tỉnh và Thanh tra Sở liên quan để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với trẻ em của các cấp, các ngành tại địa phương theo thẩm quyền quản lý nhà nước của cấp mình.

2. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, kế hoạch, chương trình nhiệm vụ được giao của các đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Xem xét giải quyết hoặc kiến nghị giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện yêu cầu, kiến nghị, quyết định về thanh tra đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân được thanh tra.

5. Lập kế hoạch công tác, thực hiện chế độ báo cáo với Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam.

Điều 11.- Thanh tra viên của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 24 Pháp lệnh Thanh tra và Quy chế Thanh tra viên ban hành kèm theo Nghị định số 191-HĐBT ngày 18-6-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Thanh tra viên của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp được hưởng lương theo ngạch thanh tra viên, được cấp phát trang phục và sử dụng các phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ trong hoạt động thanh tra theo quy định của Quy chế Thanh tra viên và theo hướng dẫn thực hiện của liên Bộ Thanh tra Nhà nước - Tài chính.

Trong hoạt động, Thanh tra viên phải tuân theo các quy định của Quy chế hoạt động của Đoàn thanh tra ban hành kèm theo Quyết định số 1776-TTNN ngày 21-12-1996 của Tổng Thanh tra Nhà nước.

*Chương III***CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA
THANH TRA ỦY BAN BẢO VỆ VÀ
CHĂM SÓC TRẺ EM VIỆT NAM**

Điều 12.- Quan hệ với Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là thành viên Ủy ban:

1. Căn cứ vào chương trình, kế hoạch thanh tra đã được Bộ trưởng, Chủ nhiệm phê duyệt, Thanh tra Ủy ban chủ động phối hợp công tác với Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ để phân công tổ chức thực hiện các hoạt động thanh tra bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành đó.

2. Tùy theo nội dung cuộc thanh tra, mời cán bộ của Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là thành viên Ủy ban tham gia các cuộc thanh tra xét giải quyết khiếu nại, tố cáo về những vấn đề liên quan đến trẻ em do Thanh tra Ủy ban chủ trì tổ chức.

3. Khi cần thiết được đề nghị cử cán bộ của Thanh tra Ủy ban tham gia các hoạt động thanh tra về những vấn đề liên quan đến trẻ em do Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là thành viên Ủy ban chủ trì tổ chức.

Khi thực hiện các mối quan hệ phối hợp này, Thanh tra Ủy ban cần báo cáo xin ý kiến của đại diện lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là thành viên Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam.

Điều 13.- Trong quan hệ với Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các cấp, Thanh tra Ủy ban có trách nhiệm:

1. Định kỳ 6 tháng, hàng năm thông báo cho Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chương trình, kế hoạch thanh tra của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam và những nội dung thanh tra cần được phối hợp thực hiện trong cả nước hoặc ở một số địa phương để Ủy ban Bảo vệ và

chăm sóc trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động đưa vào chương trình hoạt động và có kế hoạch thực hiện.

2. Khi tiến hành thanh tra ở địa phương nào thì tùy theo nội dung, thông báo cho Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em địa phương đó biết để có trách nhiệm cung cấp tài liệu, tình hình hoặc cử cán bộ tham gia theo yêu cầu của Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam.

Khi cần thiết, Thanh tra Ủy ban cần chủ động thông báo và trao đổi với Thanh tra nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan về nội dung cuộc thanh tra để có sự phối hợp, giúp đỡ của Thanh tra nhà nước tỉnh, thành đó.

3. Tổ chức các cuộc tập huấn nghiệp vụ, trao đổi rút kinh nghiệm về hoạt động thanh tra, xét giải quyết khiếu nại, tố cáo; giúp Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em và cán bộ thanh tra của Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nâng cao nhận thức và trình độ nghiệp vụ thanh tra.

4. Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thường xuyên trao đổi với Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam về những hoạt động thanh tra chấp hành chính sách, pháp luật đối với trẻ em ở địa phương, cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu về những việc làm vi phạm quyền trẻ em, giúp cho Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam có thêm căn cứ để xác định nội dung đề tài thanh tra.

Điều 14.- Quan hệ với các Vụ và đơn vị trực thuộc Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam:

a) Thanh tra Ủy ban thông tin cho các Vụ và đơn vị những vi phạm chính sách, pháp luật liên quan đến trách nhiệm quản lý của Vụ và đơn vị mà Thanh tra Ủy ban đã phát hiện, kết luận qua thanh tra; góp ý kiến về những chế độ, chính sách cần bổ sung, sửa đổi trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định;

b) Các Vụ và đơn vị trực thuộc Ủy ban trong quá trình kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện có những dấu hiệu vi phạm pháp luật thì thông báo cho Thanh tra Ủy ban để xem xét, đề xuất với Bộ trưởng, Chủ nhiệm tổ chức cuộc thanh tra nếu thấy cần thiết;

c) Các Vụ và đơn vị trực thuộc Ủy ban tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thanh tra khi có liên quan đến đơn vị mình và cử cán bộ tham gia các hoạt động thanh tra khi có yêu cầu.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ PHẠT

Điều 15.- Các tổ chức và cá nhân có thành tích trong công tác thanh tra bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 16.- Tổ chức, cá nhân nào lợi dụng quyền hạn của Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em để vụ lợi hoặc xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác; tổ chức, cá nhân nào cản trở, mua chuộc, vu khống, trả thù Thanh tra viên, cộng tác viên của Thanh tra Ủy ban Bảo

vệ và chăm sóc trẻ em thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17.- Chánh Thanh tra Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy có điều gì cần sửa đổi, bổ sung thì báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm xem xét, quyết định.

Điều 18.- Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ các quy định của Quy chế này để tổ chức thực hiện cho phù hợp với trách nhiệm và đặc điểm của địa phương.

Điều 19.- Bản Quy chế này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm

Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam

PTS. TRẦN THỊ THANH THANH

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Công ty in Tiến Bộ - Hà Nội